

PHỤ LỤC
Kết quả điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025
của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày / /2026
của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu)

1. Các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra	Thang điểm	Chỉ số ĐTXHH
1	Văn Phòng UBND tỉnh	15,75	19 ¹	82,87
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	17,98	22	81,73
3	Sở Ngoại vụ	17,09	22	77,68
4	Sở Nội vụ	17,09	22	77,68
5	Sở Tư pháp	17,08	22	77,65
6	Sở Khoa học và Công nghệ	16,65	22	75,69
7	Sở Tài chính	16,37	22	74,42
8	Thanh tra tỉnh	16,27	22	73,94
9	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	16,22	22	73,74
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	16,12	22	73,27
11	Sở Xây dựng	16,04	22	72,90
12	Sở Y tế	15,53	22	70,60
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	15,39	22	69,95
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	14,78	22	67,17
15	Sở Công Thương	14,39	22	65,40

2. Các xã, phường

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra	Thang điểm	Chỉ số ĐTXHH
1	UBND Xã Bình Lư	16.32	19	85,89
2	UBND Xã Bản Bo	15.52	19	81,67
3	UBND Xã Nậm Sỏ	15.12	19	79,58
4	UBND Xã Mường Kim	14.47	19	76,16
5	UBND Xã Mường Khoa	14.43	19	75,96
6	UBND Xã Nậm Hàng	13.67	19	71,96
7	UBND Xã Khoen On	13.54	19	71,26
8	UBND Xã Phong Thổ	13.40	19	70,53
9	UBND Phường Tân Phong	13.35	19	70,27
10	UBND Xã Sì Lở Lầu	13.24	19	69,69
11	UBND Xã Bum Tở	13.24	19	69,69

¹ Không đánh giá tác động về chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra	Thang điểm	Chỉ số ĐTXHH
12	UBND Xã Không Lào	13.21	19	69,52
13	UBND Xã Mường Than	13.03	19	68,58
14	UBND Xã Mường Tè	12.93	19	68,05
15	UBND Xã Pắc Ta	12.93	19	68,05
16	UBND Xã Tả Lèng	12.86	19	67,68
17	UBND Xã Than Uyên	12.85	19	67,63
18	UBND Phường Đoàn Kết	12.77	19	67,19
19	UBND Xã Bum Nưa	12.68	19	66,75
20	UBND Xã Đào San	12.63	19	66,47
21	UBND Xã Tân Uyên	12.52	19	65,91
22	UBND Xã Thu Lũm	12.44	19	65,48
23	UBND Xã Hua Bum	12.44	19	65,48
24	UBND Xã Pu Sam Cáp	12.43	19	65,42
25	UBND Xã Mường Mô	12.24	19	64,40
26	UBND Xã Lê Lợi	12.21	19	64,26
27	UBND Xã Khun Há	12.11	19	63,74
28	UBND Xã Nậm Mạ	12.07	19	63,53
29	UBND Xã Tủa Sín Chải	12.00	19	63,16
30	UBND Xã Nậm Tăm	11.97	19	63,00
31	UBND Xã Pa Ủ	11.93	19	62,79
32	UBND Xã Nậm Cuối	11.89	19	62,58
33	UBND Xã Pa Tần	11.85	19	62,37
34	UBND Xã Mù Cà	11.81	19	62,16
35	UBND Xã Hồng Thu	11.69	19	61,51
36	UBND Xã Tà Tổng	11.54	19	60,72
37	UBND Xã Sìn Hồ	11.50	19	60,54
38	UBND Xã Sìn Suối Hồ	11.39	19	59,95